

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: Bảo mật mạng

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
1	2213360323	Bùi Duy Anh	19/10/2006	02TM14C1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
2	2213360373	Diệp Trường Chinh	15/06/2005	02TM14C1	7.0	7.5	7.3		6.0		6.5	Đạt
3	2213360137	Nguyễn Văn Cường	28/06/2006	02TM14C1	8.0	7.5	7.7		7.0		7.3	Đạt
4	2213360143	Phan Vĩnh Đăng	27/02/2006	02TM14C1	7.0	6.0	6.3		5.0		5.5	Đạt
5	2213360297	Nguyễn Hải Đăng	24/04/2006	02TM14C1	9.0	7.0	7.7		5.5		6.4	Đạt
6	2213360231	Nguyễn Thành Danh	28/01/2006	02TM14C1	8.0	7.0	7.3				2.9	Thi lại
7	2213360186	Trịnh Hoàng Đô	02/06/2006	02TM14C1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
8	2213360083	Lý Gia Hân	27/09/2006	02TM14C1	7.0	6.0	6.3		5.0		5.5	Đạt
9	2213240079	Nguyễn Trung Hậu	09/06/1997	02TM14A1	10.0	9.0	9.3		8.5		8.8	Đạt
10	2213360100	Hoàng Nguyễn Trung Hiếu	28/11/2006	02TM14C1	7.0	6.0	6.3		5.0		5.5	Đạt
11	2213360111	Lê Gia Huân	26/06/2006	02TM14C1	8.0	7.0	7.3		6.5		6.8	Đạt
12	2213360118	Nguyễn Trường Quốc Huy	31/10/2006	02TM14C1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
13	2213360221	Trần Vũ Minh Huy	23/04/2006	02TM14C1	7.0	7.5	7.3		5.5		6.2	Đạt
14	2213360072	Lê Quốc Duy Khang	31/03/2004	02TM14C1	8.0	7.0	7.3		7.5		7.4	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN PHÒNG ĐÀO TẠO						CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc							
BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC													
MÔN: Bảo mật mạng													
TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2			
							4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1	
15	2213360126	Châu Tuấn Khang	25/10/2006	02TM14C1	8.0	7.0	7.3		7.0		7.1	Đạt	
16	2213360124	Trần Đăng Khoa	01/12/2006	02TM14C1	7.0	6.0	6.3		5.0		5.5	Đạt	
17	2213360107	Phùng Ngô Anh Kiệt	22/09/2006	02TM14C1	7.0	6.0	6.3		5.0		5.5	Đạt	
18	2213360263	Đặng Trần Hoàng Linh	03/01/2004	02TM14C1	7.0	8.5	8.0		5.5		6.5	Đạt	
19	2213360282	Ngô Phúc Lộc	06/06/2006	02TM14C1	8.0	8.5	8.3		8.5		8.4	Đạt	
20	2203360227	Trần Tuấn Long	22/08/2002	02TM14C1	7.0	7.0	7.0		5.0		5.8	Đạt	
21	2213360229	Phạm Nguyễn Thiện Nhân	12/22/2006	02TM14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại	
22	2213360140	Bùi Đình Đức Nguyên	25/08/2004	02TM14C1	9.0	8.5	8.7		5.5		6.8	Đạt	
23	2213360281	Bùi Trung Nguyên	13/06/2006	02TM14C1	8.0	7.0	7.3		7.0		7.1	Đạt	
24	2213240196	Thân Thị Nguyễn	30/04/1999	02TM14A1	10.0	8.0	8.7		5.5		6.8	Đạt	
25	2213360024	Trịnh Thanh Phong	14/01/2004	02TM14C1	8.0	8.5	8.3		8.0		8.1	Đạt	
26	2213360270	Đặng Khải Phong	28/03/2005	02TM14C1	8.0	7.0	7.3		7.0		7.1	Đạt	
27	2213360235	Trần Quang Phú	27/07/2006	02TM14C1	8.0	7.5	7.7		7.5		7.6	Đạt	
28	2213180061	Nguyễn Thành Phúc	21/07/1999	02TM14A1	10.0	9.0	9.3		8.0		8.5	Đạt	

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: Bảo mật mạng

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2		
								4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1
29	2213360344	Trần Ngọc Vĩnh	Phúc	11/08/2005	02TM14C1	10.0	6.0	7.3		8.5		8.0	Đạt
30	2213360368	Nguyễn Tấn	Phúc	06/10/2005	02TM14C1	8.0	7.0	7.3		6.5		6.8	Đạt
31	2203360229	Nguyễn Hoàng	Tiến	28/05/2005	02TM13C1	7.0	9.0	8.3		7.5		7.8	Đạt
32	2213360351	Lê Đăng Nhựt	Quang	21/12/2003	02TM14C1	9.0	7.0	7.7		6.0		6.7	Đạt
33	2213360309	Trần Công	Thành	27/06/2005	02TM14C1	10.0	7.0	8.0		6.5		7.1	Đạt
34	2213240175	Trần Nguyễn Hoàng	Trâm	21/09/1993	02TM14A1	10.0	10.0	10.0		8.0		8.8	Đạt
35	2213360134	Nguyễn Hoàng	Tuấn	21/10/2006	02TM14C1	10.0	6.0	7.3		7.5		7.4	Đạt
36	2213360175	Lê Anh	Tuấn	09/11/2006	02TM14C1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
37	2213360056	Thái Quốc	Tường	27/05/2003	02TM14C1	7.0	7.0	7.0		5.0		5.8	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN PHÒNG ĐÀO TẠO						CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc							
BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC													
MÔN: Thiết kế xây dựng mạng LAN													
TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
1	2213360323	Bùi Duy Anh	19/10/2006	02TM14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại	
2	2213360373	Diệp Trường Chinh	15/06/2005	02TM14C1	8.0	6.0	6.7		6.0		6.3	Đạt	
3	2213360137	Nguyễn Văn Cường	28/06/2006	02TM14C1	7.0	5.0	5.7		5.0		5.3	Đạt	
4	2213360143	Phan Vĩnh Đăng	27/02/2006	02TM14C1	8.0	5.0	6.0		6.5		6.3	Đạt	
5	2213360297	Nguyễn Hải Đăng	24/04/2006	02TM14C1	9.0	6.0	7.0		6.0		6.4	Đạt	
6	2213360231	Nguyễn Thành Danh	28/01/2006	02TM14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại	
7	2213360186	Trịnh Hoàng Đô	02/06/2006	02TM14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại	
8	2213360083	Lý Gia Hân	27/09/2006	02TM14C1	8.0	8.0	8.0		8.0		8.0	Đạt	
9	2213240079	Nguyễn Trung Hậu	09/06/1997	02TM14A1	9.0	7.5	8.0		7.0		7.4	Đạt	
10	2213360100	Hoàng Nguyễn Trung Hiếu	28/11/2006	02TM14C1	9.0	8.5	8.7		7.0		7.7	Đạt	
11	2213360111	Lê Gia Huân	26/06/2006	02TM14C1	8.0	7.5	7.7		7.0		7.3	Đạt	
12	2213360118	Nguyễn Trường Quốc Huy	31/10/2006	02TM14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại	
13	2213360221	Trần Vũ Minh Huy	23/04/2006	02TM14C1	8.0	6.0	6.7		6.0		6.3	Đạt	
14	2213360072	Lê Quốc Duy Khang	31/03/2004	02TM14C1	9.0	7.5	8.0		7.0		7.4	Đạt	
15	2213360126	Châu Tuấn Khang	25/10/2006	02TM14C1	8.0	5.0	6.0		6.0		6.0	Đạt	

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN PHÒNG ĐÀO TẠO						CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc							
BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC													
MÔN: Thiết kế xây dựng mạng LAN													
TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
16	2213360124	Trần Đăng Khoa	01/12/2006	02TM14C1	9.0	7.5	8.0		6.0		6.8	Đạt	
17	2213360107	Phùng Ngô Anh Kiệt	22/09/2006	02TM14C1	8.0	8.0	8.0		7.0		7.4	Đạt	
18	2213360263	Đặng Trần Hoàng Linh	03/01/2004	02TM14C1	8.0	6.0	6.7		6.0		6.3	Đạt	
19	2213360282	Ngô Phúc Lộc	06/06/2006	02TM14C1	9.0	8.0	8.3		7.5		7.8	Đạt	
20	2203360227	Trần Tuấn Long	22/08/2002	02TM14C1	5.0	5.0	5.0		5.0		5.0	Đạt	
21	2213360229	Phạm Nguyễn Thiện Nhân	12/22/2006	02TM14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại	
22	2213360140	Bùi Đình Đức Nguyên	25/08/2004	02TM14C1	8.0	6.0	6.7		6.0		6.3	Đạt	
23	2213360281	Bùi Trung Nguyên	13/06/2006	02TM14C1	9.0	8.0	8.3		7.0		7.5	Đạt	
24	2213240196	Thân Thị Nguyễn	30/04/1999	02TM14A1	9.0	9.0	9.0		8.0		8.4	Đạt	
25	2213360024	Trịnh Thanh Phong	14/01/2004	02TM14C1	9.0	6.0	7.0		5.0		5.8	Đạt	
26	2213360270	Đặng Khải Phong	28/03/2005	02TM14C1	9.0	6.0	7.0		6.0		6.4	Đạt	
27	2213360235	Trần Quang Phú	27/07/2006	02TM14C1	7.0	6.0	6.3		6.0		6.1	Đạt	
28	2213180061	Nguyễn Thành Phúc	21/07/1999	02TM14A1	8.0	7.0	7.3		7.0		7.1	Đạt	
29	2213360344	Trần Ngọc Vĩnh Phúc	11/08/2005	02TM14C1	9.0	6.0	7.0		6.0		6.4	Đạt	
30	2213360368	Nguyễn Tấn Phúc	06/10/2005	02TM14C1	9.0	8.5	8.7		8.0		8.3	Đạt	

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: Thiết kế xây dựng mạng LAN

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4.0		6.0	6.0		
31	2203360229	Nguyễn Hoàng	Tiến	28/05/2005	02TM13C1	8.0	6.0	6.7		6.0		6.3	Đạt
32	2213360351	Lê Đăng Nhựt	Quang	21/12/2003	02TM14C1	9.0	8.5	8.7		8.0		8.3	Đạt
33	2213360309	Trần Công	Thành	27/06/2005	02TM14C1	9.0	7.0	7.7		6.0		6.7	Đạt
34	2213240175	Trần Nguyễn Hoàng	Trâm	21/09/1993	02TM14A1	9.0	9.0	9.0		8.0		8.4	Đạt
35	2213360134	Nguyễn Hoàng	Tuấn	21/10/2006	02TM14C1	9.0	8.0	8.3		7.5		7.8	Đạt
36	2213360175	Lê Anh	Tuấn	09/11/2006	02TM14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
37	2213360056	Thái Quốc	Tường	27/05/2003	02TM14C1	6.0	5.0	5.3		5.0		5.1	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN PHÒNG ĐÀO TẠO						CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc							
BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC													
MÔN: HỆ ĐIỀU HÀNH LINUX													
TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
1	2213360323	Bùi Duy Anh	19/10/2006	02TM14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại	
2	2213360373	Diệp Trường Chinh	15/06/2005	02TM14C1	5.0	6.0	5.7		5.0		5.3	Đạt	
3	2213360137	Nguyễn Văn Cường	28/06/2006	02TM14C1	5.0	6.0	5.7		5.0		5.3	Đạt	
4	2213360143	Phan Vĩnh Đăng	27/02/2006	02TM14C1	7.0	7.0	7.0		6.0		6.4	Đạt	
5	2213360297	Nguyễn Hải Đăng	24/04/2006	02TM14C1	5.0	6.0	5.7		6.0		5.9	Đạt	
6	2213360231	Nguyễn Thành Danh	28/01/2006	02TM14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại	
7	2213360186	Trịnh Hoàng Đô	02/06/2006	02TM14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại	
8	2213360083	Lý Gia Hân	27/09/2006	02TM14C1	5.0	6.0	5.7		5.0		5.3	Đạt	
9	2213240079	Nguyễn Trung Hậu	09/06/1997	02TM14A1	9.0	6.0	7.0		9.0		8.2	Đạt	
10	2213360100	Hoàng Nguyễn Trung Hiếu	28/11/2006	02TM14C1	6.0	6.0	6.0		6.0		6.0	Đạt	
11	2213360111	Lê Gia Huân	26/06/2006	02TM14C1	7.0	8.0	7.7		9.0		8.5	Đạt	
12	2213360118	Nguyễn Trường Quốc Huy	31/10/2006	02TM14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại	
13	2213360221	Trần Vũ Minh Huy	23/04/2006	02TM14C1	5.0	6.0	5.7		5.0		5.3	Đạt	
14	2213360072	Lê Quốc Duy Khang	31/03/2004	02TM14C1	6.0	6.0	6.0		7.0		6.6	Đạt	
15	2213360126	Châu Tuấn Khang	25/10/2006	02TM14C1	7.0	8.0	7.7		6.0		6.7	Đạt	

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN PHÒNG ĐÀO TẠO						CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc							
BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC													
MÔN: HỆ ĐIỀU HÀNH LINUX													
TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
16	2213360124	Trần Đăng Khoa	01/12/2006	02TM14C1	6.0	7.0	6.7		5.0		5.7	Đạt	
17	2213360107	Phùng Ngô Anh Kiệt	22/09/2006	02TM14C1	5.0	6.0	5.7		5.0		5.3	Đạt	
18	2213360263	Đặng Trần Hoàng Linh	03/01/2004	02TM14C1	7.0	7.0	7.0		5.0		5.8	Đạt	
19	2213360282	Ngô Phúc Lộc	06/06/2006	02TM14C1	7.0	8.0	7.7		9.0		8.5	Đạt	
20	2203360227	Trần Tuấn Long	22/08/2002	02TM14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại	
21	2213360229	Phạm Nguyễn Thiện Nhân	12/22/2006	02TM14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại	
22	2213360140	Bùi Đình Đức Nguyên	25/08/2004	02TM14C1	6.0	6.0	6.0		7.0		6.6	Đạt	
23	2213360281	Bùi Trung Nguyên	13/06/2006	02TM14C1	6.0	7.0	6.7		6.0		6.3	Đạt	
24	2213240196	Thân Thị Nguyễn	30/04/1999	02TM14A1	6.0	6.0	6.0		6.0		6.0	Đạt	
25	2213360024	Trịnh Thanh Phong	14/01/2004	02TM14C1	7.0	7.0	7.0		9.0		8.2	Đạt	
26	2213360270	Đặng Khải Phong	28/03/2005	02TM14C1	5.0	6.0	5.7		6.0		5.9	Đạt	
27	2213360235	Trần Quang Phú	27/07/2006	02TM14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại	
28	2213180061	Nguyễn Thành Phúc	21/07/1999	02TM14A1	8.0	8.0	8.0		6.0		6.8	Đạt	
29	2213360344	Trần Ngọc Vĩnh Phúc	11/08/2005	02TM14C1	7.0	8.0	7.7		6.0		6.7	Đạt	
30	2213360368	Nguyễn Tấn Phúc	06/10/2005	02TM14C1	7.0	7.0	7.0		6.0		6.4	Đạt	

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

MÔN: HỆ ĐIỀU HÀNH LINUX

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
31	2203360229	Nguyễn Hoàng Tiến	28/05/2005	02TM13C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
32	2213360351	Lê Đăng Nhựt Quang	21/12/2003	02TM14C1	8.0	8.0	8.0		6.0		6.8	Đạt
33	2213360309	Trần Công Thành	27/06/2005	02TM14C1	7.0	7.0	7.0		6.0		6.4	Đạt
34	2213240175	Trần Nguyễn Hoàng Trâm	21/09/1993	02TM14A1	7.0	7.0	7.0		8.0		7.6	Đạt
35	2213360134	Nguyễn Hoàng Tuấn	21/10/2006	02TM14C1	7.0	7.0	7.0		9.0		8.2	Đạt
36	2213360175	Lê Anh Tuấn	09/11/2006	02TM14C1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
37	2213360056	Thái Quốc Tường	27/05/2003	02TM14C1	5.0	6.0	5.7				2.3	Thi lại